TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-ST
Ngày: 19/6/2018
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Thử** .

2. Ông **Lâm Ngọc Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2018/TLST-DS, ngày 05 tháng 03 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXX-ST, ngày 16 tháng 05 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 06 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Ngọc D**, sinh năm 1976, trú tại: ấp Xây Đá A, xã HĐK, huyện CT, tỉnh ST(vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn M H**, sinh năm 1975, trú tại: số 209, ấp Cống Đôi, xã HĐK, huyện CT, tỉnh ST (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 03 năm 2018) (có mặt).

2. Bị đơn: - Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1973 (có mặt).

- Ông **Dương M**, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng trú tại: ấp Xây Đá A, xã HĐK, huyện CT, tỉnh ST.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Dương M là bà Lê Thị H (Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 06 năm 2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2018 của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc D và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn M H trình bày:

Bà D có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà H, ông M làm chủ. Đến ngày 20/8/2017 âm lịch giữa bà D và vợ chồng bà H, ông M có tính toán khấu trừ hụi sống, hụi chết với nhau, thì số tiền bà H và ông M còn nợ lại bà D là 90.000.000 đồng. Bà H và ông M có làm giấy nợ cam kết mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, thời gian trả bắt đầu tính từ ngày ghi giấy nợ là 20/8/2017. Sau đó, bà H và ông M trả được 2.000.000 đồng, tháng thứ hai trả được 1.500.000 đồng và từ ngày 20/10/2017, bà H và ông M không trả cho bà D nữa.

Vì vậy, nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bị đơn bà Lê Thị H và ông Dương M trả cho bà số tiền hụi là 86.500.000 đồng và trả một lần.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà thừa nhận có tH tiền hụi của bà D tổng cộng là 86.500.000 đồng, nhưng do hiện nay kinh tế gia đình bà đang khó khăn, do người ta giật hụi của bà bỏ trốn, nên bà xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về quan hệ pháp luật và yêu cầu đương sự:*

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà H và ông M phải trả số tiền nợ hụi là 86.500.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

[3] Bên cạnh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này và phía nguyên đơn có trình bày về nội dung yêu cầu phía bị đơn trả số tiền nợ hụi là 86.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi giao kết hợp đồng phía nguyên đơn và bị đơn đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên công nhận Hợp đồng chơi hụi giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp.

[3]Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng: Nguyên đơn có tham gia chơi hụi đối với bị đơn thể hiện qua biên nhận nợ và tại phiên tòa, bị đơn cũng đã thừa nhận còn nợ tiền hụi đối với nguyên đơn số tiền 86.500.000 đồng và xin trả dần cho đến khi hết số tiền nợ hụi nêu trên. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 479 Bộ luật dân sự 2005, Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; buộc bị đơn bà phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi 86.500.000 đồng là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bị đơn là xin trả dần cho đến khi hết số tiền nợ hụi là 86.500.000 đồng, yêu cầu này là thuộc lĩnh vực thi hành án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

* Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c, khoản 1, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Áp dụng Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị H và ông Dương M phải trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc D số tiền nợ hụi là 86.500.000 đồng.

1.1. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

1.2. Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị H và ông Dương M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là: 86.500.000 đồng x 5% = 4.325.000 đồng.

Nguyên đơn được nhận lại 2.162.500 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009943 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nhẫn